

Số: /QĐ-BSR

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phạm vi công việc, Dự toán, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và Hồ sơ yêu cầu gói thầu “Dịch vụ cung cấp các loại hoa, cây lá màu trang trí thường xuyên tại 208 Hùng Vương và Nhà máy theo Đơn hàng số 107/1100004604/ĐH-VP”**

### TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LỘC HÓA DẦU VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1304/QĐ-BSR ngày 12/4/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (nay là Tổng Công ty Lộc hóa dầu Việt Nam – BSR) về việc ban hành Quy chế mua sắm hàng hóa và dịch vụ của BSR;

Căn cứ Quyết định số 2662/QĐ-BSR ngày 27/05/2026 của Hội đồng Quản trị BSR về việc phê duyệt Kế hoạch mua sắm hàng hóa và dịch vụ điều chỉnh năm 2026 của BSR;

Căn cứ Quy trình mua sắm hàng hóa và dịch vụ của BSR số BSR-CSD-PRO-001 Rev5 ban hành ngày 01/06/2026;

Căn cứ Quy trình Lập dự toán của BSR số BSR-ECO-PRO-008 Rev2 ban hành ngày 01/06/2026;

Căn cứ Quyết định số 4767/QĐ-BSR ngày 31/12/2024 của Tổng Giám đốc BSR về việc giao nhiệm vụ trong công tác mua sắm hàng hóa dịch vụ của Công ty;

Căn cứ Quyết định số 1800/QĐ-BSR ngày 30/4/2026 của Tổng Giám đốc BSR về việc ủy quyền cho ông Phạm Minh Nghĩa – Phó Tổng Giám đốc BSR;

Căn cứ Quyết định số 2805/QĐ-BSR ngày 04/06/2026 của Tổng Giám đốc BSR về việc phê duyệt Danh sách Tổ chuyên gia gói thầu “Dịch vụ cung cấp các loại hoa, cây lá màu trang trí thường xuyên tại 208 Hùng Vương và Nhà máy theo Đơn hàng số 107/1100004604/ĐH-VP”;

Trên cơ sở Đơn hàng số 107/1100004604/ĐH-VP ngày 30/04/2026 của Văn phòng về việc Dịch vụ cung cấp các loại hoa, cây lá màu trang trí thường xuyên tại 208 Hùng Vương và Nhà máy; Báo cáo dự toán số 26-1100004604/BCDT-KTĐT ngày 29/05/2026 của Ban KTĐT; Báo cáo số 01/BC-TCG ngày /6/2026 của Tổ chuyên gia về việc kết quả xây dựng Hồ sơ yêu cầu gói thầu “Dịch vụ cung cấp các loại hoa, cây lá màu trang trí thường xuyên tại 208 Hùng Vương và Nhà máy theo Đơn hàng số 107/1100004604/ĐH-VP” và xét đề nghị của Văn phòng tại Tờ trình số ...../TTr-VP ngày ....../2026 về việc xin phê duyệt Phạm vi công việc, Dự toán, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và Hồ sơ yêu cầu

gói thầu “Dịch vụ cung cấp các loại hoa, cây lá màu trang trí thường xuyên tại 208 Hùng Vương và Nhà máy theo Đơn hàng số 107/1100004604/ĐH-VP”,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Phạm vi công việc, Dự toán, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và Hồ sơ yêu cầu gói thầu “Dịch vụ cung cấp các loại hoa, cây lá màu trang trí thường xuyên tại 208 Hùng Vương và Nhà máy theo Đơn hàng số 107/1100004604/ĐH-VP”, với các nội dung sau:

- 1. Phạm vi công việc:** Dịch vụ cung cấp các loại hoa, cây lá màu trang trí thường xuyên tại 208 Hùng Vương và Nhà máy theo Đơn hàng số 107/1100004604/ĐH-VP. Chi tiết như Phụ lục đính kèm.
- 2. Dự toán: 242.044.000 đồng** (*Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi hai triệu, không trăm bốn mươi bốn ngàn đồng*). Giá trên đã bao gồm các loại phí, thuế để nhà thầu thực hiện gói thầu. Chi tiết như Phụ lục đính kèm.

Dự toán được lập theo Báo cáo dự toán số 26-1100004604/BCDT-KTĐT ngày 29/05/2026 của Ban KTĐT về việc kết quả lập dự toán Đơn hàng số 107/1100004604/ĐH-VP ngày 30/04/2026.

**3. Kế hoạch lựa chọn Nhà thầu:**

- a. Tên gói thầu: Dịch vụ cung cấp các loại hoa, cây lá màu trang trí thường xuyên tại 208 Hùng Vương và Nhà máy theo Đơn hàng số 107/1100004604/ĐH-VP.
- b. Giá gói thầu: **242.044.000 đồng** (*Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi hai triệu, không trăm bốn mươi bốn ngàn đồng*). Giá trên đã bao gồm các loại phí, thuế để nhà thầu thực hiện gói thầu;

Giá gói thầu là giá dự toán được lập theo Báo cáo dự toán số 26-1100004604/BCDT-KTĐT ngày 29/05/2026 của Ban KTĐT về việc kết quả lập dự toán Đơn hàng số 107/1100004604/ĐH-VP ngày 30/04/2026.

- c. Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của BSR - Mục I.2.27 – Phụ lục 06: Kế hoạch mua sắm chi tiết năm 2026 của Văn phòng tại Quyết định số 2662/QĐ-BSR ngày 27/05/2026 của Hội đồng Quản trị BSR.

- d. Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu:

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước theo quy trình thông thường.

Căn cứ: Áp dụng theo quy định tại Điều 22: Chào hàng cạnh tranh và Điều 51: Quy trình lựa chọn nhà thầu cho hình thức chào hàng cạnh tranh theo quy trình thông thường/Quy chế mua sắm hàng hóa và dịch vụ của BSR được ban hành tại Quyết định số 1304/QĐ-BSR ngày 12/4/2026.

- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ;

Căn cứ: Điểm b: Chào hàng cạnh tranh, Chỉ định Nhà cung cấp, So sánh Báo giá cạnh tranh, Khoản 1, Điều 30: Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ - Quy chế mua sắm hàng hóa và dịch vụ BSR được ban hành tại Quyết định số 1304/QĐ-BSR ngày 12/4/2026.

- e. Thời gian tổ chức lựa chọn Nhà thầu: dự kiến 22 ngày (chi tiết như Phụ lục



02 đính kèm).

- f. Thời gian dự kiến bắt đầu lựa chọn Nhà thầu: Tháng 06/2026.
- g. Thời gian chuẩn bị Hồ sơ đề xuất: 09 ngày, từ ngày đầu tiên phát hành HSYC đến ngày có thời điểm đóng thầu.
- h. Loại hợp đồng: Trọn gói.
- i. Thời gian thực hiện gói thầu: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.
- j. Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng.
- k. Giám sát hoạt động lựa chọn Nhà thầu: Không áp dụng.
- l. Danh sách ngân: Không áp dụng.

**4. Hồ sơ yêu cầu:** Chi tiết như Phụ lục 03 đính kèm.

**Điều 2.** Giao Phó Tổng Giám đốc phụ trách Văn phòng, Chánh Văn phòng và Trưởng các Ban chức năng liên quan triển khai các công việc tiếp theo tuân thủ quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- TGD (để b/c);
- Lưu: VT, VP, maintt.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



## PHỤ LỤC – PHẠM VI CÔNG VIỆC VÀ DỰ TOÁN

(Đính kèm Quyết định số:       /QĐ-BSR ngày     /     /2026)

| TT | Mã HHDV | Tên HHDV                                                                                                                             | Mô tả                                                                                          | ĐVT  | Số lượng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Ghi chú |
|----|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|---------------|------------------|---------|
| *  | B100464 | Dịch vụ cung cấp các loại hoa, cây lá màu trang trí thường xuyên tại 208 Hùng Vương và Nhà máy                                       | Dịch vụ cung cấp các loại hoa, cây lá màu trang trí thường xuyên tại 208 Hùng Vương và Nhà máy | Gói  | 1        | 220.040.000   | 220.040.000      |         |
| 1  |         | Các loại hoa: , Kim đồng vàng, Viên châu đa sắc, Ngọc anh trắng, Hồng ba màu, Bạch thủy tiên trắng, Cô tông thái, Vạn phúc, Bụt thái |                                                                                                | chậu | 350      | 144.000       | 50.400.000       |         |
| 2  |         | Hoa Bát Tiên Rồng Đỏ hoặc tương đương                                                                                                |                                                                                                | chậu | 130      | 104.000       | 13.520.000       |         |
| 3  |         | Hoa Mai Địa Thảo hoặc tương đương, trồng trang trí tạo cảnh quan khuôn viên                                                          |                                                                                                | chậu | 280      | 47.600        | 13.328.000       |         |
| 4  |         | Chậu bút xanh hoặc tương đương                                                                                                       |                                                                                                | chậu | 12       | 1.280.000     | 15.360.000       |         |
| 5  |         | Chậu Phát Tài 3 ngọn                                                                                                                 |                                                                                                | chậu | 4        | 1.280.000     | 5.120.000        |         |
| 6  |         | Chậu hoa Nến cao                                                                                                                     |                                                                                                | chậu | 12       | 656.000       | 7.872.000        |         |
| 7  |         | Chậu Ké lớn đại                                                                                                                      |                                                                                                | chậu | 4        | 1.600.000     | 6.400.000        |         |



| TT                                                                                | Mã HHDV | Tên HHDV                          | Mô tả | ĐVT  | Số lượng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ)   | Ghi chú |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------|-------|------|----------|---------------|--------------------|---------|
| 8                                                                                 |         | Chậu Phát tài núi                 |       | chậu | 4        | 2.720.000     | 10.880.000         |         |
| 9                                                                                 |         | Chậu Lá đóm                       |       | chậu | 4        | 1.040.000     | 4.160.000          |         |
| 10                                                                                |         | Chậu Thiết Mộc Lan lá sọc, cây to |       | chậu | 4        | 7.000.000     | 28.000.000         |         |
| 11                                                                                |         | Chậu và đôn gốm sứ                |       | bộ   | 15       | 4.200.000     | 63.000.000         |         |
| 12                                                                                |         | Đất bồi phù sa trồng hoa          |       | m3   | 2        | 1.000.000     | 2.000.000          |         |
| <b>Cộng</b>                                                                       |         |                                   |       |      |          |               | <b>220.040.000</b> |         |
| <b>Thuế VAT 10%</b>                                                               |         |                                   |       |      |          |               | <b>22.004.000</b>  |         |
| <b>Tổng cộng</b>                                                                  |         |                                   |       |      |          |               | <b>242.044.000</b> |         |
| <i>(Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi hai triệu, không trăm bốn mươi bốn ngàn đồng)</i> |         |                                   |       |      |          |               |                    |         |

**Ghi chú:**

- Giá trên đã bao gồm các loại phí, thuế để nhà thầu thực hiện gói thầu.
- Cơ sở lập dự toán: Báo cáo dự toán số 26-1100004604/BCDT-KTĐT ngày 29/05/2026 của Ban KTĐT.



## PHỤ LỤC 02 – THỜI GIAN TỔ CHỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Đính kèm Quyết định số:            /QĐ-BSR ngày     /     /2026)

| Thời gian Chào hàng cạnh tranh trong nước theo quy trình thông thường<br>(Một giai đoạn, một túi hồ sơ) |                                   |                      |         |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------|---------|
| TT                                                                                                      | Nội dung công việc                | Số ngày lịch dự kiến | Ghi chú |
| 1                                                                                                       | Phát hành HSYC                    |                      |         |
| 2                                                                                                       | Chuẩn bị HSDX                     | 9 ngày               |         |
| 3                                                                                                       | Đàm phán đánh giá                 | 7 ngày               |         |
| 4                                                                                                       | Xử lý tình huống dự kiến (nếu có) | 3 ngày               |         |
| 5                                                                                                       | Phê duyệt KQLCNT                  | 3 ngày               |         |
|                                                                                                         | <b>Tổng cộng</b>                  | <b>22 ngày</b>       |         |



### **PHỤ LỤC 03: HỒ SƠ YÊU CẦU**

*(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-BSR ngày ...../...../2026)*

(Đính kèm ..... trang)

